

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp,  
quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4500/STC-QLG ngày 19 tháng 12 năm 2016; Báo cáo số 337/BC-STP ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

**1. Mức thu phí:**

Nội dung	Mức thu (đồng/hồ sơ, tài liệu)		
	Hộ gia đình, cá nhân		Tổ chức
	Tại các phường thuộc thành phố, thị xã và thị trấn trung tâm huyện	Khu vực khác	
Khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	120.000	60.000	300.000

**Ghi chú:** Mức thu trên không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu.

Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai bao gồm cả bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính.

2. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai.

3. Đơn vị thu phí:

a) Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí đối với tổ chức (trong và ngoài nước); hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, UBND cấp xã thực hiện thu phí đối với đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn.

c) Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí phải niêm yết công khai mức thu phí tại trụ sở cơ quan nơi thu phí.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

a) Quản lý phí: Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm:

Khi thu tiền phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán tiền phí thu được theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Sử dụng phí:

Đối với đơn vị thu phí được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động được trích để lại 20% trên tổng số phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí, phần còn lại 80% nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với đơn vị thu phí không được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc đảm bảo một phần kinh phí hoạt động được trích để lại 80% trên tổng số phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí, phần còn lại 20% nộp vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phí được để lại, cơ quan thu phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp; mức chi cụ thể được thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành và thực hiện quyết toán hằng năm.

Hằng tháng, chậm nhất là ngày 05 của tháng sau, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm nộp số tiền phí thu được (sau khi trừ đi số phí được trích để lại theo quy định) vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

Các nội dung khác liên quan đến quản lý và sử dụng phí không được đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Thông tư số 250/2016/TT-BTC, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Điều 2.** Tổ chức, cá nhân vi phạm trong việc quản lý và sử dụng phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nguyen*

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, CNN.

Trìnhhq/QĐ.T12/35b *nguyen*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*nguyen*  
**Vũ Hồng Bắc**

